

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08 /GPMT-UBND

Sông Công, ngày 12 tháng 6 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2025, Quyết định về việc phân công phụ trách các lĩnh vực công tác của Chủ tịch, các phó Chủ tịch và các Ủy viên UBND thành phố nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Văn bản số 55/CV-FUTU1 ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 đề nghị cấp Giấy phép bảo vệ môi trường và Báo cáo đề xuất cấp phép môi trường kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 địa chỉ trụ sở chính tại tổ 10, phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường cho hoạt động sản xuất của Công ty tại tổ 10, phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tổ 10, phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4600358468 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 31/12/2008, thay đổi lần thứ 5 ngày 01/11/2022.

1.4. Mã số thuế: 4600358468.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh:

Sản xuất các sản phẩm cơ khí, cuốc bàn, hàng phụ tùng ô tô, xe máy.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án, cơ sở:

- Tổng diện tích của dự án, cơ sở: 125.534,7 m².

- Dự án, cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương dự án đầu tư nhóm III theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường; có tiêu chí tương đương dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất được cấp phép tại Giấy phép môi trường này gồm:

Khoảng 39,4 triệu sản phẩm/năm (các sản phẩm gồm: sơ mi, vòng gang, bạc các loại, bích nối, gối đỡ và các chi tiết phụ tùng khác bằng gang; bánh răng, đĩa xích các loại, xupap, cuốc bàn, trục, nhông xích và các chi tiết phụ tùng khác bằng thép) với sản lượng tương đương 3.500 tấn sản phẩm/năm.

- Các quy trình sản xuất:

+ Quy trình sản xuất sản phẩm từ gang: Gang và phụ liệu → lò điện → đúc khuôn cát → phun bi làm sạch → nhiệt luyện → gia công cơ khí → kiểm tra bao gói đóng hàng → nhập kho.

+ Quy trình sản xuất sản phẩm từ thép:

- Thép cây → chặt phôi → rèn phôi → nhiệt luyện → gia công cơ khí → kiểm tra bao gói đóng hàng → nhập kho.

- Thép tấm → dập phôi → đột lỗ → nắn phẳng → gia công cơ khí → nhiệt luyện → gia công cơ khí → kiểm tra bao gói đóng hàng → nhập kho.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 có trách nhiệm:
 - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
 - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
 - 2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
 - 2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.
 - 2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành).

Giấy phép có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố Sông Công chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án, cơ sở;
- Cổng Thông tin điện tử của UBND TP. Sông Công;
- Phòng Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND phường Mỏ Chè;
- Lưu VT. Phòng NN&MT.

(Khang 05).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Chu Tất Lợi

Phụ lục 1

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08 /GPMT-UBND ngày 12 / 6 /2025
của UBND thành phố Sông Công)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân, nước thải từ hoạt động rửa tay chân của công nhân, rửa dụng cụ, làm mát lò, làm mát thiết bị sản xuất, nước thải từ hoạt động phun sơn với tổng số 09 nguồn, cụ thể như sau:

Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ 16 khu nhà vệ sinh của công nhân.

Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa tay của công nhân, rửa dụng cụ.

Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ nhà ăn ca.

Nguồn số 04: Nước thải từ công đoạn quay sạch sản phẩm (từ máy quay cát của phân xưởng nhiệt luyện), một phần nước sau xử lý được tuần hoàn tái sử dụng lại để quay sạch sản phẩm.

Nguồn số 05-07: Nước thải quá trình vệ sinh tháp làm mát cho lò điện, lò nhiệt luyện, làm nguội sản phẩm được tuần hoàn không thải ra môi trường.

Nguồn số 08: Nước thải dập bụi sơn chứa cặn sơn phát sinh từ khu vực phun sơn tuần hoàn không thải ra ngoài môi trường

Nguồn số 09: Nước thải tại khu vực để cát thải đúc và bãi thải (chứa phoi, sắt thép phế) lẫn với nước bề mặt theo rãnh hỏ thu về hệ thống xử lý nước thải.

Tổng lượng nước thải phát sinh từ các hoạt động của Công ty chảy vào hệ thống xử lý nước thải khoảng 279,9 m³/ngày đêm, một phần nước thải sau xử lý được tái sử dụng cho sản xuất (khoảng 5,6 m³/ngày đêm để quay sạch sản phẩm), còn lại xả ra ngoài môi trường khoảng 274,3 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải, vị trí xả nước thải:

Dòng nước thải: Có 01 dòng nước thải sau trạm xử lý nước thải tập trung của Công ty trước khi xả ra môi trường.

2.1. Vị trí xả nước thải:

Cửa xả có toạ độ: X(m) = 2375332; Y(m) = 429881 (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực 106°30', múi chiều 3°).

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của công ty tại tổ 10, phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công.

2.2. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

350m³/ngày đêm (24 giờ).

2.2.1. Phương thức xả nước thải:

Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường và xả tự chảy ra hệ thống thoát nước chung của phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công

2.2.2. Chất lượng nước thải trước khi xả thải vào môi trường.

Nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải được thể hiện tại bảng sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn cho phép theo cột B, QCVN 40:2011/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	-	-	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97/Nghị định 08/2022/NĐ-CP và mục 2 Phụ lục XXVIII Nghị định 08/2022/NĐ-CP
2	pH	-	5,5-9,0		
3	BOD ₅	mg/l	50		
4	COD	mg/l	150		
5	TSS	mg/l	100		
6	As	mg/l	0,1		
7	Cd	mg/l	0,1		
8	Pb	mg/l	0,5		
9	Hg	mg/l	0,01		
10	Cr (VI)	mg/l	0,1		
11	Cr (III)	mg/l	1		
12	Zn	mg/l	3		
13	CN ⁻	mg/l	0,1		
14	Fe	mg/l	5		
15	S ²⁻	mg/l	0,5		
16	NH ₄ ⁺ -N	mg/l	10		
17	Tổng N	mg/l	40		
18	Tổng P	mg/l	6		
19	Tổng dầu mỡ	mg/l	10		
20	Coliform	MPN/100 ml	5000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải.

Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn sản xuất, khu vực vệ sinh, khu vực nhà ăn... được thu gom và đưa về trạm xử lý nước thải của công ty với công suất xử lý $350 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (24 giờ).

Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp và xả tự chảy ra hệ thống thoát nước chung của phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu văn phòng điều hành và khu vực nhà xưởng sản xuất → bể tự hoại → Đường ống thoát nước thải đưa về bể gom → đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của công ty để xử lý đạt quy chuẩn môi trường → mương tiếp nhận tại khu vực tổ 10, phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất

Hệ thống xử lý nước thải tập trung của công ty với công suất xử lý $350 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (24 giờ).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

Dự án, cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Công ty xây dựng 01 bể phòng ngừa ứng phó sự cố đối với nước thải tại Trạm xử lý nước thải Công ty với dung tích khoảng 150 m^3 đảm bảo việc trữ nước thải khi bể gom không đủ khả năng chứa. Trong bể bố trí 01 bơm nước với công suất $24 \text{ m}^3/\text{giờ}$ nhằm chủ động bơm hút nước từ bể phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường sang bể gom và nước thải tiếp tục được xử lý mà không làm gián đoạn công tác vận hành Trạm.

- Định kỳ thực hiện bảo dưỡng các thiết bị tại Trạm xử lý nước thải đảm bảo các thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt để việc xử lý nước thải luôn đáp ứng các yêu cầu của pháp luật. Ngoài ra, Công ty cũng trang bị dự phòng một số thiết bị (bơm nước, bơm bùn, máy thổi khí) để chủ động trong việc xử lý nước thải khi các thiết bị vận hành gặp sự cố.

- Công ty thực hiện việc xây cao hố ga nước thải từ 400 mm đến 800 mm tại một số vị trí nhằm phòng ngừa nguy cơ khi mưa to nước mưa chảy vào nước thải. Thường xuyên thực hiện việc vệ sinh, khơi thông dòng chảy của hệ thống thu gom nước mưa và các hố thu nước thải đảm bảo tiêu thoát tốt, không bị ngập úng nhất là vào mùa mưa bão.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải của công ty có công suất 350m³/ngày đêm đã được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước tại Giấy phép số 714/GP-UBND ngày 18/3/2020 với thời hạn cấp phép là 05 năm. Theo quy định tại khoản 4, Điều 31, Nghị định 08/2022/NĐ-CP thì công ty không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm đối với trạm xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của công ty bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường..

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, đảm bảo ghi chép đầy đủ thông tin trong quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức Hệ thống xử lý nước thải.

3.3. Bố trí điểm quan trắc nước thải sau xử lý, sàn thao tác bảo đảm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành thường xuyên, liên tục hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.5. Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08 /GPMT-UBND ngày 12 / 6 /2025
của UBND thành phố Sông Công)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực sơn với 02 nguồn khí thải, cụ thể:

- + Nguồn 1: Tại ống thoát khí số 1 buồng sơn số 1.
- + Nguồn 2: Tại ống thoát khí số 2 buồng sơn số 2.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

Phát sinh 02 dòng bụi, khí thải phát sinh từ khu vực sơn, cụ thể:

- + Dòng 1: Tại ống thoát khí số 1 buồng sơn số 1.
- + Dòng 2: Tại ống thoát khí số 2 buồng sơn số 2.

2.1. Vị trí xả khí thải:

Toạ độ vị trí xả bụi, khí thải được thể hiện trong bảng sau

- + Dòng số 1: Sau buồng sơn số 1, toạ độ $X(m)=2375341$; $Y(m)=429905$ (Theo toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}30'$, múi chiều: 3°).
- + Dòng số 2: Sau buồng sơn số 2, toạ độ $X(m)=2375565$; $Y(m)=430073$ (Theo toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}30'$, múi chiều: 3°).

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty, địa chỉ tổ 10, phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- + Dòng 1: Lưu lượng xả khí thải tối đa là $12.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- + Dòng 2: Lưu lượng xả khí thải tối đa là $12.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Phương thức xả khí thải: Xả liên tục 24/24 giờ.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả thải vào môi trường.

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí được xử lý đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT cột B; Kp=0,9; Kv=0,8	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 20:2009/BTNMT	Tần số quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	144	-	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục
2	Benzen	mg/Nm ³	-	5		
3	Toluen	mg/Nm ³	-	750		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Bụi, hơi sơn → Hệ thống dập bụi bằng màng nước → Buồng phun sương → Quạt hút → Ống thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Buồng sơn tạo ra một luồng khí động theo hướng từ công nhân phun sơn tới bề mặt buồng sơn nhờ các quạt hút đặt trên nóc buồng sơn. Bụi sơn được cuốn vào máng nước chảy tràn và trôi xuống bể chứa nước tuần hoàn nằm phía dưới. Khí được thoát theo đường ống ra khỏi khu vực phun sơn.

+ Dòng 1: Hệ thống xử lý khí thải có công suất là 12.000 m³/giờ.

+ Dòng 2: Hệ thống xử lý khí thải có công suất là 12.000 m³/giờ.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải.
- Đào tạo đội ngũ công nhân viên nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi có sự cố xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố sẽ ngừng hoạt động sản xuất phát sinh khí thải, tìm nguyên nhân, thực hiện khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Theo quy định tại khoản 1, Điều 31, Nghị định 08/2022/NĐ-CP thì công trình xử lý khí thải của công ty không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, đảm bảo ghi chép đầy đủ thông tin trong quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức Hệ thống xử lý khí thải.

3.3. Bố trí điểm quan trắc khí thải sau xử lý, sàn thao tác bảo đảm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành thường xuyên, liên tục hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải của cơ sở.

3.6. Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08 /GPMT-UBND ngày 12 / 6 /2025
của UBND thành phố Sông Công)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh tiếng ồn của cơ sở gồm 04 nguồn từ các thiết bị sản xuất phát sinh tiếng ồn nằm tại các vị trí phân tán trong nhà xưởng như thiết bị của hệ thống phối liệu làm khuôn, máy dập phôi thép, quạt thông gió nhà xưởng, máy bơm nước... từ khu vực nhà xưởng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

STT	Nguồn	Vị trí	Tọa độ VN2000
1	Nguồn số 1	Khu vực trộn cát, làm khuôn	X=2375498; Y=429897
2	Nguồn số 2	Khu vực phun bi, máy mài	X=2375421; Y=429998
3	Nguồn số 3	Khu vực máy dập Cuốc bàn	X= 2375353; Y=429986
4	Nguồn số 4	Khu vực máy dập Tay biên	X=2375436; Y=430001

3. Tiếng ồn, độ rung:

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 - 21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lựa chọn các thiết bị có tiếng ồn thấp, kiểm tra sự cân bằng của các máy móc thiết bị khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn chi tiết, tra dầu bôi trơn thường kỳ.

- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân làm việc ở những khu vực có tiếng ồn cao.

- Tại các khu vực phát sinh tiếng ồn và độ rung đều có lắp các thiết bị chống rung, chống ồn. Lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị phát sinh độ rung lớn.

- Để hạn chế sự ô nhiễm trong khu nhà xưởng của nhà máy, nhà xưởng phải được thiết kế đảm bảo điều kiện vệ sinh công nghiệp, đảm bảo thông thoáng, đảm bảo chế độ vi khí hậu.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với thiết bị có công suất lớn, lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

- Tăng cường công tác bảo dưỡng thiết bị, thay thế các máy móc cũ có độ ồn cao bằng các máy móc mới có độ ồn thấp, đảm bảo yêu cầu vệ sinh lao động cũng như vệ sinh môi trường. Xung quanh nhà xưởng được trồng cây xanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2.3. Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi phát sinh tiếng ồn, độ rung không đảm bảo các yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay hoạt động phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08 /GPMT-UBND ngày 12 /16 /2025
của UBND thành phố Sông Công)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:**

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau dính dầu	18 02 01	66.800
2	Bột mài dính dầu	07 03 09	18.400
3	Chất thải lẫn dầu	19 07 01	69.300
4	Bóng đèn (neon) huỳnh quang thải	16 01 06	210
5	Bao bì cứng bằng kim loại	18 01 02	3.150
6	Mùn cưa dính dầu	09 01 01	1.500
7	Linh kiện điện tử thải (tủ thiết bị văn phòng bị hỏng, phải thay thế).	15 02 14	1.000
	Tổng khối lượng		160.360

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Phoi thép	1.570.000
2	Phoi gang	300.170
3	Thép phế liệu	1.200.000
4	Cát thải đúc	400.000
5	Bột máy phun bi	650.000
6	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải không nhiễm thành phần nguy hại	4.800
	Tổng khối lượng	4.124.970

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	90,36

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Chất thải nguy hại phát sinh được thu gom phân loại ngay tại các phân xưởng của Công ty. Trong các phân xưởng sản xuất đều bố trí các thùng chứa dầu thải, chất thải lẫn dầu, giẻ lau dính dầu để chứa tạm các chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa chất thải nguy hại:

Công ty bố trí 01 nhà kho lưu giữ CTNH bằng tường gạch 200 mm bao xung quanh, mái lợp bằng tôn, có diện tích 220 m². Bên trong xây vách ngăn bằng tường gạch 100 mm, cao 850 – 1500 mm, nền chống thấm. Xung quanh bên ngoài kho lưu giữ CTNH của Công ty có gờ bao chống nước mưa chảy tràn, bên trong kho có rãnh và hố thu gom phòng ngừa sự cố chất thải lỏng đổ tràn ra ngoài môi trường. Ngoài ra, còn bố trí các biển cảnh báo và dụng cụ, thiết bị phòng cháy chữa cháy, vật liệu hấp thụ (cát, mùn cưa...) để khắc phục nếu có sự cố xảy ra.

2.1.3. Biện pháp xử lý:

Ký hợp đồng chuyển giao chất thải nguy hại với các đơn vị có đủ năng lực theo quy định để đem đi xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Phoi thép, phoi gang được thu gom tại chỗ từ các máy tiện, máy phay... cho vào các thùng chứa nhỏ đặt tại các máy, từ thùng nhỏ này thu gom vào các thùng chứa lớn đặt tại các xưởng sau đó đội vệ sinh của xưởng sẽ vận chuyển thùng chứa lớn này đến bãi đổ chất thải tập kết chung của Công ty, phoi thép tập kết tại bãi ngoài trời, phoi gang tập kết tại nhà có mái che.

- Bột phun bi được thu gom tại chỗ từ các máy phun bi vào các bao tải loại 1.000 kg đặt tại từng máy phun bi, khi các bao tải đầy sẽ tập kết tại một khu vực riêng trong nhà xưởng.

- Cát thải đúc được thu gom vào các thùng chứa lớn đặt trong nhà xưởng khi đầy sẽ chuyển các thùng chứa này đến bãi tập kết cát thải ở ngoài trời.

2.1.2. Kho, khu vực lưu chứa:

Công ty bố trí các bãi tập kết chất thải rắn thông thường ở khu vực ngoài trời, khu vực có mái che, có tường bao xung quanh, có rãnh thu gom và các hố lắng để thu gom nước mưa chảy tràn phát sinh tại khu vực này đưa về Trạm xử lý nước thải của công ty để xử lý đạt quy chuẩn quy định.

2.1.3. Biện pháp xử lý:

Định kỳ Công ty hợp đồng chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường với các đơn vị có đủ năng lực theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Tại các xưởng sản xuất và khu vực văn phòng bố trí các thùng đựng có dung tích 120 lít và 200 lít.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

Bố trí khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt có mái che, bố trí các xe chuyên chở chất thải rắn sinh hoạt được chế tạo thêm bộ phận gioăng cao su dưới đáy thùng ngăn ngừa nguy cơ rò rỉ nước ra môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển chất thải.

2.1.3. Biện pháp xử lý:

Công ty hợp đồng chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt với các đơn vị có đủ năng lực theo quy định để vận chuyển, xử lý hàng ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu vực lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

3. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất thông thường, chất thải nguy hại đảm bảo theo yêu cầu quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

4. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố theo quy định của pháp luật.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.